

BẢNG TỔNG KẾT HỌC TẬP NĂM HỌC 2014 - 2015

Số thứ tự	HỌC PHẦN				Kinh tế CN và quản trị chất lượng	Máy cắt kim loại	Đồ gá	Công nghệ chế tạo máy 2	Truyền động thủy lực và khí nén trong CN	Công nghệ CNC	Công nghệ CAD/CAM	Thực tập Phay 1						Thực tập Phay 2		Thực tập CAD/CAM/ CNC	Thực tập CNC	Thực tập Tốt nghiệp	TBC HỌC TẬP	XẾP LOẠI HT	KHEN THƯỞNG	GHI CHÚ			
	SỐ ĐVHT				3	2	4	5	2	5	5	3						3	4	2	6	44							
	MSSV	Họ tên sinh viên	HỆ CHU/AN	NGÀY NGHỈ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	TKHP Chính	TKHP Phụ	Kỳ thi Chính				Kỳ thi Phụ		
																												P	K
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1	12D2010004	Đậu Trọng Anh		2	13	7	7	7	6	5	4	6	7	7					6	7	5	9	6.66	6.75	51	TB Khá	TB Khá		
2	12D2010005	Dỗ Huỳnh Duy Anh		4	8	3	4	5	6	3	4	5	4	6	6				6	6	7	7	5.27	5.61	43	T.Bình	T.Bình		
3	12D2010009	Dỗ Chiêm Bao		0	5	6	6	6	6	6	6	7	6						5	7	5	10	6.64		65	TB Khá			
4	12D2010017	Trần Dân		0	4	8	8	6	6	6	8	9	7	7					7	6	6	10	7.45		72	Khá			
5	11D00020120	Lê Khánh Duy		2	19	4	4	7	6	5	2	3	3	4	5				0	4	1	0	3.45	3.61	16	Kém	Kém		
6	12D2010024	Phạm Quang Duy		2	0	7	8	6	6	6	8	7	7	7					7	8	5	8	7.02		66	Khá			
7	12D2010029	Phạm Quang Đăng		1	12	6	6	5	6	5	4	5	6	6					6	5	5	9	5.91	6.02	62	T.Bình	TB Khá		
8	12D2010030	Nguyễn Văn Đạt		1	1	6	7	5	7	6	3	4	5	5	6				6	6	5	10	6.11	6.23	62	TB Khá	TB Khá		
9	12D2010033	Võ Ngọc Đạt		3	8	6	6	5	7	4	5	6	5	5					6	5	5	8	5.89	5.93	58	T.Bình	T.Bình		
10	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo Diên		2	13	6	6	5	6	5	8	6		5					6	6	6	9	6.43		61	TB Khá			
11	12D2010037	Lê Văn Diệp		3	11	7	7	5	6	4	5	4	4	6	6				6	5	5	10	6.11	6.16	56	TB Khá	TB Khá		
12	12D2010041	Huỳnh Văn Đứi		0	1	7	7	7	6	9	6	6	6	7					7	7	8	8	6.93		67	TB Khá			
13	12D2010049	Huỳnh Minh Hải		3	22	1	3	5	6	6	4	6	4	4	6				6	5	5	8	5.36	5.59	43	T.Bình	T.Bình		
14	12D2010061	Nguyễn Văn Hồ		0	2	5	7	6	6	7	7	5	6	6					6	7	7	10	6.59		62	TB Khá			
15	12D2010069	Đặng Văn Hữu		2	3	7	8	6	7	7	4	6	7		5				7	7	8	10	6.93	7.16	65	TB Khá	Khá		
16	12D2010073	Nguyễn Tấn Khang		1	0	8	8	6	6	6	9	5	7	7					6	5	8	10	6.98		70	TB Khá			
17	12D2010081	Phan Quốc Kiệt		1	0	7	8	6	6	10	9	6	6	5					6	7	9	10	7.39		65	Khá			
18	12D2010085	Nguyễn Hoàng Linh		5	19	7	6	6	5	6	8	6	6	7					6	5	7	9	6.61		49	TB Khá			
19	12D2010089	Huỳnh Văn Lộc		4	1	7	7	6	5	6	3	5	5	6					7	6	6	10	6.16	6.39	67	TB Khá	TB Khá		
20	12D2010097	Nguyễn Văn Lưu		0	4	6	8	7	6	6	5	5	7	7					6	7	6	10	6.89		68	TB Khá			
21	12D2010100	Trần Hoài Nam		0	1	7	8	6	7	9	6	6	7	6					6	6	7	10	7.11		65	Khá			
22	12D2010105	Lâm Học Nhân		9	5	6	7	6	6	6	8	8	6	5					5	6	5	10	6.64		67	TB Khá			
23	12D2010109	Châu Cường Phát		4	8	7	5	6	6	8	8	9	6	5					5	7	7	10	7.00		67	Khá			
24	12D2010119	Nguyễn Thành Quân		2	7	5	7	6	6	6	2	5	4	6	6				5	5	6	10	5.89	6.25	57	T.Bình	TB Khá		
25	12D2010120	Diệp Kim Quang		6	5	6	7	6	6	6	6	7	6	5					5	5	7	10	6.52		51	TB Khá			
26	12D2010124	Nguyễn Hữu Quang		0	1	6	8	6	6	7	5	6	6						7	6	7	10	6.68		63	TB Khá			
27	12D2010128	Trần Minh Quyền		3	3	7	8	7	7	9	9	9	8	7					7	8	8	8	7.68		72	Khá			
28	12D2010136	Tăng Đức Tài		2	10	5	6	6	6	8	5	7	5						6	6	5	7	6.05		60	TB Khá			
29	12D2010139	Nguyễn Duy Tân		2	3	7	7	5	6	5	2	4	7	7					6	6	5	9	6.07	6.30	61	TB Khá	TB Khá		
30	12D2010140	Nguyễn Văn Tân		1	0	6	7	5	6	8	3	5	7	6					6	7	6	10	6.45	6.68	61	TB Khá	TB Khá		
31	12D2010144	Nguyễn Sơn Thạch		0	4	6	7	6	7	9	9	9	7	7					6	7	7	10	7.50		73	Khá			
32	12D2010148	Hồ Đức Thắng		9	3	7	7	6	7	9	9	9	8	7					7	8	7	9	7.57		66	Khá			
33	11D0020080	Trần Qui Thắng		7	12	4	6	5	5	3	3		6	5					0	0	0	0	3.07		20	Kém			
34	12D2010156	Nguyễn Văn Thánh		0	0	7	8	6	7	6	8	8	8	7					7	7	7	10	7.55		71	Khá			
35	12D2010157	Sư Hải Thanh		1	5	8	7	6	6	8	6	6	7	6					7	7	8	8	6.91		64	TB Khá			
36	12D2010160	Nguyễn Văn Thảo		0	1	7	7	6	6	6	4	6	6	6					5	7	6	9	6.32	6.55	69	TB Khá	TB Khá		
37	12D2010175	Nguyễn Đàm Minh Trí		3	7	7	7	6	6	8	4	8	7	6					7	7	5	9	6.61	7.07	60	TB Khá	Khá		
38	12D2010178	Nguyễn Quốc Trọng		1	4	6	6	6	6	5	5	5	7	6					5	5	7	10	6.39		90	TB Khá			
39	12D2010179	Nguyễn Quốc Trung		2	6	6	7	6	6	7	2	2	5	6					6	6	5	10	6.02	6.02	68	TB Khá	TB Khá		
40	12D2010183	Trần Nhật Trường		2	8	6	8	7	6	5	6		4	6	6				6	5	5	0	4.89	5.11	46	Yếu	T.Bình		
41	12D2010197	Nguyễn Văn Tuấn		0	10	7	6	6	6	5	5	7	6	6					7	5	7	10	6.70		62	TB Khá			
42	12D2010187	Nguyễn Quốc Tuyền		4	3	6	5	6	6	3	5	2	3	5					6	7	8	10	5.98	6.18	62	T.Bình	TB Khá		
43	12D2010190	Dương Minh Việt		0	9	6	7	6	6	5	5	5	6	6					5	2	8	10	6.09		58	TB Khá			
44	12D2010191	Huỳnh Duy Vinh		0	1	8	6	6	6	7	8	7	7	7					6	6	7	9	6.95		69	TB Khá			

THÔNG KÊ KẾT QUẢ HỌC TẬP		
(căn cứ vào điểm trung bình chung học tập)		
Loại Xuất sắc	(9 đến 10)	0 SV 0 %
Loại Giỏi	(8 đến cận 9)	0 SV 0 %
Loại Khá	(7 đến cận 8)	9 SV 20.45 %
Loại Trung bình khá	(6 đến cận 7)	26 SV 59.09 %
Loại Trung bình	(5 đến cận 6)	6 SV 13.64 %
Loại Yếu	(4 đến cận 5)	1 SV 2.27 %
Loại Kém	(dưới 4)	2 SV 4.55 %
Chưa đủ dữ liệu để xếp loại		0 SV 0 %

Ngày tháng năm 201
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm 201
TRƯỞNG KHOA

Ngày tháng năm 201
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Nguyễn Duy Hải